



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Ngày 21 tháng 03 năm 2016*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2**

**Mã chứng khoán: C32**

**Trụ sở chính:** 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**Điện thoại :** 0650.3759.446

**Fax :** 0650.3755.605

**Người thực hiện công bố thông tin:** Lữ Minh Quân – Thư ký công ty

**Địa chỉ:** Ấp Chánh Long, xã Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**Điện thoại:** 0913777057 - 0650.3759446

**Fax :** 0650.3755605

**Loại thông tin công bố:** Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2 công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21 tháng 03 năm 2016 tại đường dẫn <http://www.cic32.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

**Tài liệu đính kèm:**

BCTC năm 2015 đã kiểm toán gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tt);
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
- Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng 49% so với cùng kỳ năm 2014.

**LỮ MINH QUÂN**

**CTY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/CV-HĐQT

Bình Dương, ngày 21 tháng 03 năm 2016

(V/v: giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng 49% so với cùng kỳ năm 2014).

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.**

**Tên công ty:** Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2  
**Mã chứng khoán:** C32  
**Địa chỉ trụ sở chính:** 45A Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.  
**Điện thoại:** 0650.3759446 **Fax :** 0650.3755605

Căn cứ: Thông tư 155/2015TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 xin giải trình về việc chênh lệch tăng 49% lợi nhuận sau thuế năm 2015 so với năm 2014 như sau:

- ❖ **Lợi nhuận sau thuế năm 2015: 101.287.113.188 đồng**
- ❖ **Lợi nhuận sau thuế năm 2014: 67.860.093.543 đồng**

**Nguyên nhân:**

Thị trường thuận lợi và Công ty đã đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm, chốt khối lượng thi công công trình, máy móc thiết bị hoạt động với công suất cao đồng thời chi phí nguyên vật liệu đầu vào giảm nên kết quả kinh doanh các lĩnh vực đều tăng trưởng và hiệu quả so với năm 2014. Doanh thu năm 2015 hầu hết lĩnh vực kinh doanh chính đều tăng so với cùng kỳ năm 2014, tổng doanh thu tăng 103,7 tỷ đồng đạt 557,4 tỷ đồng, tăng 22,8% so với năm 2014. Lợi nhuận gộp năm 2015 tăng 38,7 tỷ đồng, tăng 36,6% so với năm trước. Trong đó lĩnh vực khai thác chế biến đá xây dựng doanh thu tăng 49,4 tỷ đồng và lãi gộp tăng 27,4 tỷ đồng, tỷ lệ tăng lần lượt là 24,8% và 35,9% so với năm 2014. Lĩnh vực sản xuất công bê tông doanh thu tăng 12,5 tỷ đồng (21,2%) và lãi gộp tăng 7,5 tỷ đồng (74,5%) so với





năm trước. Các lĩnh vực kinh doanh khác doanh thu và lãi gộp hầu hết đều tăng so với năm 2014 góp phần làm cho kết quả kinh doanh năm 2015 hiệu quả cao.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh dẫn đến tăng lợi nhuận trong báo cáo tài chính năm 2015 so với năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2./.

Trân trọng !

*Nơi nhận :*

- Như trên;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*Võ Văn Lãnh*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 39
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 39

QUẢN LÝ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 06 năm 2015

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lãnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Sự	Thành viên
Ông Huỳnh Hữu Hùng	Thành viên
Ông Phan Thành Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lãnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Văn Hoàng Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Lương Tâm	Thành viên
Ông Lý Thanh Châu	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

0011  
CH  
CÒN  
IANG  
V4-



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc đo nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 13 tháng 02 năm 2016



Số: 63 /2016/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 được lập ngày 13 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

5-06  
LIÊN  
TINH  
ĐI  
C  
30



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính của Công ty.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0522-13-002-1

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016*

Kiểm toán viên

Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2013-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>346.329.349.085</b>	<b>282.272.936.946</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	21.859.220.439	9.861.328.609
111	1. Tiền		6.845.887.106	9.861.328.609
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.013.333.333	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	89.112.146.719	60.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.902.583.363	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		86.209.563.356	60.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		178.935.899.779	152.401.032.781
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	156.642.476.188	135.373.715.273
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.587.109.861	950.177.571
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	19.944.841.314	17.654.445.958
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.238.527.584)	(1.577.306.021)
140	IV. Hàng tồn kho	08	56.422.082.148	60.010.575.556
141	1. Hàng tồn kho		56.603.352.153	60.264.243.062
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(181.270.005)	(253.667.506)
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>99.166.269.583</b>	<b>91.653.067.975</b>
220	II. Tài sản cố định		89.350.661.644	85.986.930.618
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	42.518.664.910	38.227.231.208
222	- Nguyên giá		109.600.844.056	98.202.770.015
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(67.082.179.146)	(59.975.538.807)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	46.831.996.734	47.759.699.410
228	- Nguyên giá		79.099.887.427	78.805.887.427
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.267.890.693)	(31.046.188.017)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.568.327.741	753.452.925
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	3.568.327.741	753.452.925
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	200.887.800	200.887.800
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		200.887.800	200.887.800
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.046.392.398	4.711.796.632
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.872.573.852	4.711.796.632
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	2.173.818.546	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>445.495.618.668</b>	<b>373.926.004.921</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>119.808.544.697</b>	<b>117.619.758.840</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>119.808.544.697</b>	<b>116.682.957.480</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	27.469.393.428	28.677.728.872
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.312.753.991	8.505.807.030
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	33.429.264.795	34.579.606.217
314	4. Phải trả người lao động		10.721.930.632	10.028.204.569
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	16.460.369.845	7.339.991.028
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.886.900.657	5.346.512.583
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	12.154.496.722	16.372.825.193
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	-	272.201.146
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.373.434.627	5.560.080.842
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>936.801.360</b>
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	-	936.801.360
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>325.687.073.971</b>	<b>256.306.246.081</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>325.687.073.971</b>	<b>256.306.246.081</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		112.000.000.000	112.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		112.000.000.000	112.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		75.176.884.813	55.789.784.378
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		138.510.189.158	88.516.461.703
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		37.223.075.970	20.656.368.160
421b	LNST chưa phân phối năm nay		101.287.113.188	67.860.093.543
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>445.495.618.668</b>	<b>373.926.004.921</b>

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu



Bình Dương, ngày 13 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc

Vũ Văn Lãnh



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	
			Năm 2015 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	557.426.832.741	453.767.633.639
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	19.531.084	106.816.243
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		557.407.301.657	453.660.817.396
11	4. Giá vốn hàng bán	23	413.001.085.974	347.967.404.922
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.406.215.683	105.693.412.474
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	4.987.857.415	5.963.816.459
22	7. Chi phí tài chính	25	325.805.793	590.072.664
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		325.805.793	590.072.664
25	8. Chi phí bán hàng	26	8.905.486.481	8.816.530.427
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	15.427.120.824	13.040.967.935
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		124.735.660.000	89.209.657.907
31	11. Thu nhập khác	28	3.012.937.922	1.380.306.629
32	12. Chi phí khác	29	289.053.865	675.034.433
40	13. Lợi nhuận khác		2.723.884.057	705.272.196
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		127.459.544.057	89.914.930.103
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	29.283.050.775	21.118.035.200
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(3.110.619.906)	936.801.360
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		101.287.113.188	67.860.093.543
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	8.410	6.059

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu



111  
II N  
NG 1  
G KI  
AA  
TP.

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		588.644.543.401	427.134.586.832
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(381.886.232.666)	(279.354.369.202)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(50.365.327.483)	(46.762.941.625)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(325.805.793)	(1.074.407.176)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22.948.944.465)	(29.329.518.183)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.571.870.154	6.456.914.938
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(55.740.327.350)	(42.818.466.907)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>79.949.775.798</b>	<b>34.251.798.677</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14.506.948.857)	(3.928.497.833)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	715.563.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(87.833.630.561)	(60.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		61.624.067.205	34.800.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.861.816.716	4.409.740.088
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(36.854.695.497)</b>	<b>(24.003.194.109)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		40.010.635.421	126.932.767.805
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(44.228.963.892)	(138.559.942.612)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(26.878.860.000)	(26.878.800.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(31.097.188.471)</b>	<b>(38.505.974.807)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>11.997.891.830</b>	<b>(28.257.370.239)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.861.328.609	38.118.698.848
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<b>21.859.220.439</b>	<b>9.861.328.609</b>

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 13 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc



Võ Văn Lãnh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 06 năm 2015

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 112.000.000.000 VND tương đương với 11.200.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng dân dụng

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê đất; văn phòng; nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ môi giới bất động sản, môi giới chứng khoán, môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài, môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất gạch, ngói (theo công nghệ Tuynel);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt trang thiết bị: bảo vệ, báo động; hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình xây dựng;
- Hoạt động kho bãi (trừ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Khai thác đá; cát; sỏi; đất; đất sét (chỉ được khai thác khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền);
- Chế biến đá;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, đấu giá tài sản;
- Tư vấn công trình (trừ thiết kế công trình);
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: góp vốn, mua cổ phần;

10-C  
TH  
HH  
TOÁN  
THI MINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Đá xây dựng	Số 635/1A QL 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Khai thác, chế biến đá
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Công Bê tông	5/138 Đại Lộ Bình Dương, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị trấn Xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh Công bê tông ly
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Xây lắp	9C Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Xây lắp
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Sân giao dịch Bất động sản	45A Nguyễn Văn Tiết, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Bất động sản

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 39.

**2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

## 2.5 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



#### 2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Đối với hoạt động xây lắp: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất cơ khí và công bê tông: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất
- Phần mềm	03 - 08 năm

#### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



#### 2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay dùng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

#### 2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

J5-  
HÁ  
TY T  
IỂM  
ASC  
HỒ

## 2.23 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán Bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.)

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



#### **2.24 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **2.25 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

#### **2.26 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.27 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.



## b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## 2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	207.700.849	221.566.985
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.638.186.257	9.639.761.624
Các khoản tương đương tiền	15.013.333.333	-
	<b>21.859.220.439</b>	<b>9.861.328.609</b>

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 15,013 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,6 %/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	86.209.563.356	86.209.563.356	60.000.000.000	60.000.000.000
	<b>86.209.563.356</b>	<b>86.209.563.356</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 86.209 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,3%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 38 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương (xem chi tiết tại Thuyết minh 14).

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	2.902.583.363	3.059.100.000	-	-	-	-
<i>Cổ phiếu mã DHA</i>	2.902.583.363	3.059.100.000	-	-	-	-
	<b>2.902.583.363</b>	<b>3.059.100.000</b>	-	-	-	-

Trong năm 2015 Công ty đăng ký mua thành công số lượng 148.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hóa An (mã chứng khoán DHA). Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2015.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	200.887.800	-	200.887.800	-
	<b>200.887.800</b>	-	<b>200.887.800</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Ban quản lý dự án Thị xã Thủ Dầu Một	43.575.454.000	15.716.162.000
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương	17.666.064.000	23.099.845.000
- Ban quản lý dự án huyện Dầu Tiếng	5.386.694.000	13.480.180.040
- Ban quản lý dự án huyện Phú Giáo	27.900.814.000	29.532.784.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	62.113.450.188	53.544.744.233
	<b>156.642.476.188</b>	<b>135.373.715.273</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về tạm ứng	13.230.424.107	-	12.170.159.707	-
- Ký cược, ký quỹ	3.986.558.698	-	2.882.349.236	-
- Phải thu BHXH	12.613.117	-	47.677.435	-
- Lãi dự thu	2.617.747.548	-	1.491.706.849	-
- Tạm ứng cho BQL của công trình nâng cấp mở rộng đường	-	-	984.764.000	-
- Phải thu khác	97.497.844	-	77.788.731	-
	<b>19.944.841.314</b>	<b>-</b>	<b>17.654.445.958</b>	<b>-</b>

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi:				
Công ty TNHH Quang Phước	264.782.117	-	264.782.117	79.434.635
Công ty TNHH Phát triển GS Cù Chi	-	-	308.272.347	154.136.173
Công ty TNHH Xây dựng Văn Hải	-	-	484.735.894	-
Công ty TNHH Xây dựng Dũng Duy	-	-	171.545.682	-
Công ty TNHH TMXD Hoàng Minh Tâm	211.738.124	63.521.437	211.738.124	105.869.062
Công ty Cổ phần TM XD Đình Nghiệp	519.829.757	363.880.830	170.075.307	-
Công ty CP XL Vật tư Hoàng Ngân	138.088.984	84.662.289	199.431.384	-
Đối tượng khác	750.422.130	134.268.972	445.057.366	338.892.330
	<b>1.884.861.112</b>	<b>646.333.528</b>	<b>2.255.638.221</b>	<b>678.332.200</b>

Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu:

101  
 CH  
 CÔ  
 AN  
 14



Trong số dư nợ các khoản nợ xấu tại ngày 31/12/2015 bao gồm 205,836 triệu VND là công nợ phải thu khách hàng đã được lập hồ sơ khởi kiện, 1,679 tỷ VND công nợ phải thu khách hàng đã khởi kiện và đã có phán quyết của toàn án với kết quả tiền lãi chậm trả chưa được ghi nhận số tiền 239,077 triệu VND và 358,941 triệu VND tiền bồi thường tài sản.

## 8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.757.858.073	(55.719.277)	7.457.845.834	(149.090.970)
Công cụ, dụng cụ	157.436.810	-	157.436.810	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.676.560.357	-	18.614.037.368	-
Thành phẩm	30.030.303.580	(125.550.728)	34.034.923.050	(104.576.536)
Hàng hoá	23.237.865	-	-	-
Hàng gửi đi bán	957.955.468	-	-	-
	<b>56.603.352.153</b>	<b>(181.270.005)</b>	<b>60.264.243.062</b>	<b>(253.667.506)</b>

## 9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công trình thi công Trường mẫu giáo An Phú (*)	3.188.295.846	49.885.455
- Công trình khác	380.031.895	703.567.470
	<b>3.568.327.741</b>	<b>753.452.925</b>

(\*) Đây là dự án trường mẫu giáo An Phú được Công ty đầu tư với mục đích an sinh xã hội theo Quyết định số 82/QĐ-CTY ngày 13 tháng 10 năm 2012 của Tổng Giám đốc Công ty, Công trình có tổng vốn đầu tư ban đầu là 6,207 tỷ VND tại phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Sau khi hoàn thành, Trường mẫu giáo An Phú sẽ được Công ty cho thuê lại để kinh doanh bất động sản đầu tư. Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2016.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	22.124.963.255	53.689.933.034	21.292.261.463	1.095.612.263	98.202.770.015
- Mua trong năm	51.500.000	2.474.869.090	7.959.658.182	-	10.486.027.272
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	644.157.899	267.888.870	-	-	912.046.769
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.820.621.154</b>	<b>56.432.690.994</b>	<b>29.251.919.645</b>	<b>1.095.612.263</b>	<b>109.600.844.056</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	8.729.216.899	38.664.642.642	11.651.103.107	930.576.159	59.975.538.807
- Khấu hao trong năm	1.534.567.291	3.557.458.693	1.881.806.314	132.808.041	7.106.640.339
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.263.784.190</b>	<b>42.222.101.335</b>	<b>13.532.909.421</b>	<b>1.063.384.200</b>	<b>67.082.179.146</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	13.395.746.356	15.025.290.392	9.641.158.356	165.036.104	38.227.231.208
Tại ngày cuối năm	<b>12.556.836.964</b>	<b>14.210.589.659</b>	<b>15.719.010.224</b>	<b>32.228.063</b>	<b>42.518.664.910</b>
Trong đó					
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				38.059.838.528	VND

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	78.581.967.427	223.920.000	78.805.887.427
- Mua trong năm	-	294.000.000	294.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>78.581.967.427</b>	<b>517.920.000</b>	<b>79.099.887.427</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	30.880.184.679	166.003.338	31.046.188.017
- Khấu hao trong năm	1.098.180.456	123.522.220	1.221.702.676
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31.978.365.135</b>	<b>289.525.558</b>	<b>32.267.890.693</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	47.701.782.748	57.916.662	47.759.699.410
Tại ngày cuối năm	<b>46.603.602.292</b>	<b>228.394.442</b>	<b>46.831.996.734</b>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- Phân bổ công cụ dụng cụ	3.305.702.793	1.518.008.307
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	2.129.094.000
- Chi phí sửa chữa xe, nhà kho XN Xây lắp	377.847.453	426.761.381
- Chi phí tư vấn chiến lược	189.023.606	378.047.222
- Chi phí khảo sát, thăm dò trữ lượng	-	246.171.654
- Chi phí nhà tạm công nhân	-	13.714.068
	<b>3.872.573.852</b>	<b>4.711.796.632</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.386.859.066	55.691.370.610	54.223.091.840	-	3.855.137.836
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.855.390.155	29.283.050.775	22.948.944.465	-	13.189.496.465
- Thuế thu nhập cá nhân	-	415.091.515	1.356.734.565	1.314.225.442	-	457.600.638
- Thuế tài nguyên	-	8.322.285.668	14.171.784.898	19.712.927.634	-	2.781.142.932
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	37.259.925	37.259.925	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác <sup>(*)</sup>	-	16.599.979.813	11.359.641.312	14.813.734.201	-	13.145.886.924
	-	<b>34.579.606.217</b>	<b>111.899.842.085</b>	<b>113.050.183.507</b>	-	<b>33.429.264.795</b>

<sup>(\*)</sup> Số tại ngày 31/12/2015 bao gồm 10,951 tỷ VND phí cấp quyền khai thác khoáng sản (thông tin bổ sung tại thuyết minh số 36)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Bình Dương	16.372.825.193	16.372.825.193	29.539.387.098	33.757.715.569	12.154.496.722	12.154.496.722
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	10.471.248.323	10.471.248.323	-	-
	<u>16.372.825.193</u>	<u>16.372.825.193</u>	<u>40.010.635.421</u>	<u>44.228.963.892</u>	<u>12.154.496.722</u>	<u>12.154.496.722</u>

Thông tin bổ sung khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng thấu chi số 0126/15/87982/HĐ ngày 01/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức thấu chi: 60 tỷ VND;
- Mục đích thấu chi
  - + *Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời;*
  - + *Thanh toán Chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh*
- Thời hạn thấu chi: 17/03/2016; Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi: tối đa đến ngày 30/11/2016;
- Lãi suất thấu chi: 5%/ năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay:
  - + *Sử dụng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi tại ngân hàng;*
  - + *Cầm cố các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV - CN Nam Bình Dương để đảm bảo các khoản vay;*
- Dư nợ thấu chi tại thời điểm 31/12/2015 là 12.154.496.722 VND;



15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- TCT Vật liệu XD số 1 - TNHH MTV	758.202.119	758.202.119	5.666.361.421	5.666.361.421
- Hợp tác xã Phúc Tài	2.382.082.923	2.382.082.923	1.306.444.319	1.306.444.319
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng B.M.T	4.051.397.688	4.051.397.688	2.665.082.330	2.665.082.330
- Phải trả các đối tượng khác	20.277.710.698	20.277.710.698	19.039.840.802	19.039.840.802
	<b>27.469.393.428</b>	<b>27.469.393.428</b>	<b>28.677.728.872</b>	<b>28.677.728.872</b>

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Trích trước chi phí công trình	12.339.671.197	2.158.693.324
- Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	4.050.632.039	3.542.337.874
- Chi phí thuê đất	-	1.578.959.830
- Chi phí phải trả khác	70.066.609	60.000.000
	<b>16.460.369.845</b>	<b>7.339.991.028</b>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	84.387.400	66.517.040
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.063.155	14.923.155
- Phải trả các đội thi công và nhà thầu phụ	6.191.300.167	4.215.279.438
- Phải trả tiền thù lao Hội đồng quản trị	1.302.540.000	1.002.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	292.609.935	47.792.950
	<b>7.886.900.657</b>	<b>5.346.512.583</b>

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	272.201.146
	<b>-</b>	<b>272.201.146</b>

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>39.135.328.891</b>	<b>68.854.071.184</b>	<b>219.989.400.075</b>
Lãi trong năm trước	-	-	67.860.093.543	67.860.093.543
Trích lập các quỹ	-	16.654.455.487	(16.654.455.487)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi & ban điều hành	-	-	(4.663.247.537)	(4.663.247.537)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>55.789.784.378</b>	<b>88.516.461.703</b>	<b>256.306.246.081</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>55.789.784.378</b>	<b>88.516.461.703</b>	<b>256.306.246.081</b>
Lãi trong năm trước	-	-	101.287.113.188	101.287.113.188
Trích lập các quỹ	-	19.387.100.435	(19.387.100.435)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.590.203.784)	(3.590.203.784)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(1.436.081.514)	(1.436.081.514)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>75.176.884.813</b>	<b>138.510.189.158</b>	<b>325.687.073.971</b>

Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 19/10/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã Quyết nghị việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 với tỷ lệ 12% vốn điều lệ (một cổ phiếu nhận 1.200 đồng).

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-DHCD-2015 ngày 27 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2014 (đã điều chỉnh theo KTNN)	100,00	67.860.093.543
Trích Quỹ đầu tư phát triển	28,57	19.387.100.435
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5,29	3.590.203.784
Trích quỹ thưởng ban điều hành	2,12	1.436.081.514
Chi trả cổ tức 24%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.400 đồng)	39,61	26.880.000.000
- Đã tạm ứng 12% trong năm 2014		13.440.000.000
- Chia 12% còn lại trong năm 2015		13.440.000.000
Lợi nhuận còn lại năm 2014 chưa phân phối	24,41	16.566.707.810

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	51,00	57.120.000.000	51,00	57.120.000.000
- America LLC	6,88	7.709.300.000	6,88	7.709.300.000
- Cổ đông khác	42,12	47.170.700.000	42,12	47.170.700.000
	<b>100</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>112.000.000.000</b>



**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	112.000.000.000	112.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	112.000.000.000	112.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	13.440.000.000	13.440.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	13.440.000.000	13.440.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.200.000	11.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.200.000	11.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.200.000	11.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

**f) Các quỹ của công ty**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	75.176.884.813	55.789.784.378
	<b>75.176.884.813</b>	<b>55.789.784.378</b>

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng U&I	12.148.500	12.148.500
- Võ Anh Phương	3.466.000	3.466.000
- Phạm Duy Diệp	496.337	496.337
- Nguyễn Vương Hồng Phú	5.331.000	5.331.000
- Trường Trung học Kinh tế	26.100.000	26.100.000
- Cơ sở trà Thanh Đào	3.750.000	3.750.000
- Công ty TNHH Đông Á	11.000	11.000
- Công ty Cổ phần Lê Nguyễn	720.000	720.000
- Ông Khưu Văn Khương	247.016	247.016
- Công ty TNHH Minh Nhật	145.124	145.124
- Công ty TNHH Ngọc Thái Khang	2.887.592	2.887.592
- Công ty TNHH Bảo Ngọc	4.547.733	4.547.733
- Công ty TNHH Khải Thành	4.515.543	4.515.543
- Nguyễn Thị Thanh Loan	9.284.880	9.284.880
- Công ty TNHH Minh Châu	826.945	826.945
- Công ty TNHH Xây dựng Hải Long	183.611.848	183.611.848
- Công ty TNHH Lê Phúc Vinh	363.348.930	363.348.930
- Công ty CP Đầu tư Thương mại & Xây dựng giao thông 1	4.784.388	4.784.388
- Công ty TNHH MTV Phan Vũ	338.690	338.690
- Võ Thị Lý Em	32.780	32.780
- Phạm Minh Chánh	213.140	213.140
- Nguyễn Hoàng Lê	1.155.213	1.155.213
- Các khoản công nợ trước cổ phần hóa	114.014.787	114.014.787
- Công ty TNHH Xây dựng Đồng Long (*)	33.505.980	-
- Công ty TNHH Xây dựng Văn Hải (*)	484.735.894	-
- Công ty TNHH Tư vấn Khai Nam (*)	35.185.130	-
- Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Nam Trung Việt (*)	78.833.844	-
	<b>1.374.238.294</b>	<b>741.977.446</b>

(\*) Nợ khó đòi xử lý trong năm 2015 theo theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 07 năm 2015 của Hội đồng Quản trị.

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	324.106.906.461	263.187.085.613
Doanh thu bán hàng hóa	56.611.116.741	48.225.907.734
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.711.614.152	4.368.659.222
Doanh thu kinh doanh bất động sản	6.937.820.036	6.143.684.378
Doanh thu hợp đồng xây dựng	164.059.375.351	131.842.296.692
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	164.059.375.351	131.842.296.692
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính	437.930.951.713	520.059.402.623
	<b>557.426.832.741</b>	<b>453.767.633.639</b>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Hàng bán bị trả lại	19.531.084	106.816.243
	<b>19.531.084</b>	<b>106.816.243</b>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	202.699.303.865	176.547.416.285
Giá vốn của hàng hóa đã bán	53.003.304.974	46.223.534.581
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.176.502.706	3.109.855.405
Giá vốn kinh doanh bất động sản	6.621.018.506	6.301.903.908
Giá vốn hoạt động xây dựng	147.573.353.424	115.684.037.498
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(72.397.501)	100.657.245
	<b>413.001.085.974</b>	<b>347.967.404.922</b>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.964.307.582	5.940.353.986
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.549.833	23.462.473
	<b>4.987.857.415</b>	<b>5.963.816.459</b>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	325.805.793	590.072.664
	<b>325.805.793</b>	<b>590.072.664</b>



26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	699.520.854	511.781.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.205.965.627	8.304.749.201
	<b>8.905.486.481</b>	<b>8.816.530.427</b>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.392.115	21.720.243
Chi phí nhân công	9.340.318.923	8.849.049.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.055.116.118	1.341.917.242
Chi phí dự phòng	293.482.411	345.998.985
Thuế, phí, lệ phí	11.084.176	11.084.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.808.970.324	501.225.771
Chi phí khác bằng tiền	2.800.756.757	1.969.971.822
	<b>15.427.120.824</b>	<b>13.040.967.935</b>

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	720.000.000
Thu nhập từ tiền đền bù đường Mỹ Phước Tân Vạn	1.905.920.000	-
Hoàn nhập chi phí khu dân cư Nguyễn Văn Tiết	-	285.643.450
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	272.201.146	-
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	195.608.224	-
Thu nhập phát sinh từ nợ khó đòi đã xử lý	70.000.000	-
Thu nhập khác	569.208.552	374.663.179
	<b>3.012.937.922</b>	<b>1.380.306.629</b>

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	4.436.364
Khoản phạt vi phạm hành chính	143.977.849	124.972.776
Chi phí di dời trạm điện	127.272.727	-
Chi phí khác	17.803.289	545.625.293
	<b>289.053.865</b>	<b>675.034.433</b>



30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	127.142.742.527	90.073.149.633
Các khoản điều chỉnh tăng	12.686.965.014	6.510.323.594
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.041.732.822)	(592.404.136)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	132.787.974.719	95.991.069.091
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>29.213.354.438</b>	<b>21.118.035.200</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	38.153.255
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.855.390.155	15.028.719.883
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(22.879.248.128)	(29.329.518.183)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>13.189.496.465</b>	<b>6.855.390.155</b>
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	316.801.530	(158.219.530)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	316.801.530	(158.219.530)
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>69.696.337</b>	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	(69.696.337)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.283.050.775	21.118.035.200
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	13.189.496.465	6.855.390.155

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.173.818.546	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>2.173.818.546</b>	<b>-</b>

**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	936.801.360
	<b>-</b>	<b>936.801.360</b>

**c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	936.801.360
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.173.818.546)	-
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(936.801.360)	-
	<b>(3.110.619.906)</b>	<b>936.801.360</b>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	101.287.113.188	67.860.093.543
Các khoản điều chỉnh	(7.090.097.923)	-
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(7.090.097.923)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	94.197.015.265	67.860.093.543
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	11.200.000	11.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>8.410</b>	<b>6.059</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. Theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2015, Công ty dự tính phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành với tỷ lệ 7% lợi nhuận sau thuế năm 2015.



**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	142.881.747.074	134.955.313.764
Chi phí nhân công	55.674.041.964	51.007.210.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.328.343.015	8.938.848.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.782.221.734	112.440.711.707
Chi phí khác bằng tiền	29.292.912.990	27.201.798.803
	<b>369.959.266.777</b>	<b>334.543.883.734</b>

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.859.220.439	-	9.861.328.609	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	176.587.317.502	(1.238.527.584)	153.028.161.231	(1.577.306.021)
Các khoản cho vay	86.209.563.356	-	60.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	2.902.583.363	-	-	-
Đầu tư dài hạn	200.887.800	-	200.887.800	-
	<b>287.759.572.460</b>	<b>(1.238.527.584)</b>	<b>223.090.377.640</b>	<b>(1.577.306.021)</b>

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	12.154.496.722	16.372.825.193
Phải trả người bán, phải trả khác	35.356.294.085	34.024.241.455
Chi phí phải trả	16.460.369.845	7.339.991.028
	<b>63.971.160.652</b>	<b>57.737.057.676</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.859.220.439	-	-	21.859.220.439
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175.348.789.918	-	-	175.348.789.918
Các khoản cho vay	86.209.563.356	-	-	86.209.563.356
Đầu tư ngắn hạn	2.902.583.363	-	-	2.902.583.363
Đầu tư dài hạn	-	200.887.800	-	200.887.800
	<b>286.320.157.076</b>	<b>200.887.800</b>	-	<b>286.521.044.876</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.861.328.609	-	-	9.861.328.609
Phải thu khách hàng, phải thu khác	151.450.855.210	-	-	151.450.855.210
Các khoản cho vay	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	200.887.800	-	200.887.800
	<b>221.312.183.819</b>	<b>200.887.800</b>	-	<b>221.513.071.619</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	12.154.496.722	-	-	12.154.496.722
Phải trả người bán, phải trả khác	35.356.294.085	-	-	35.356.294.085
Chi phí phải trả	16.460.369.845	-	-	16.460.369.845
	<b>63.971.160.652</b>	-	-	<b>63.971.160.652</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	16.372.825.193	-	-	16.372.825.193
Phải trả người bán, phải trả khác	34.024.241.455	-	-	34.024.241.455
Chi phí phải trả	7.339.991.028	-	-	7.339.991.028
	<b>57.737.057.676</b>	-	-	<b>57.737.057.676</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo giấy phép khai thác khoáng sản số 23/GP-UBND ngày 18/01/2016, UBND tỉnh Bình Dương đã quyết định cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 khai thác đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Tân Đông Hiệp thuộc phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, khu vực khai thác có diện tích 116.950m<sup>2</sup>, công suất khai thác 908.155 m<sup>3</sup>/năm. Thời hạn khai thác đến 31/12/2017.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 36 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản (khai thác đá). Theo điều 77 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 và Nghị định số 203/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ, Công ty sẽ phải nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản căn cứ vào Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ Cơ quan thuế.

Từ năm 2013, Công ty đã trích trước khoản phải phí cấp quyền khai thác khoáng sản từ khi Luật khoáng sản năm 2010 có hiệu lực. Theo Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 18/09/2015, UBND tỉnh Bình Dương đã phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá của Công ty, theo đó phí cấp quyền khai thác khoáng sản qua các năm phải nộp như sau:

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	Giá trị	Số đã nộp	Số còn phải nộp tại
			31/12/2015
	VND	VND	VND
Năm 2013	10.951.988.130	-	10.951.988.130 (*)
Năm 2014	3.221.030.340	(3.221.030.340)	-
Năm 2015	7.986.260.880	(7.986.260.880)	-
<b>Cộng</b>	<b>22.159.279.350</b>	<b>(11.207.291.220)</b>	<b>10.951.988.130</b>

(\*) Khoản phí tính từ năm 2011 - thời điểm Luật Khoáng sản có hiệu lực đến năm 2013. Theo Quyết định nêu trên, khoản phí này tạm thời Ngân sách Nhà nước chưa thu cho đến khi có văn bản yêu cầu nộp của Cơ quan có thẩm quyền.



**37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực xây dựng VND	Lĩnh vực sản xuất VND	Lĩnh vực khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	164.059.375.351	324.106.906.461	69.241.019.845	557.407.301.657
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.486.021.927</b>	<b>121.407.602.596</b>	<b>6.512.591.160</b>	<b>144.406.215.683</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	11.692.074.041	-	11.692.074.041
Tài sản bộ phận	50.859.656.581	374.544.508.169	20.091.453.919	445.495.618.668
<b>Tổng tài sản</b>	<b>50.859.656.581</b>	<b>374.544.508.169</b>	<b>20.091.453.919</b>	<b>445.495.618.668</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	13.677.848.184	100.727.438.313	5.403.258.200	119.808.544.697
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>13.677.848.184</b>	<b>100.727.438.313</b>	<b>5.403.258.200</b>	<b>119.808.544.697</b>

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác đá, xây lắp và chủ yếu phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lãi vay phải trả</b>			
- Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương	Cơ quan chủ quản TCT	-	292.967.000
<b>Cổ tức được chia</b>			
- Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương	Công ty mẹ	13.708.800.000	13.708.800.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	3.563.453.153	2.958.498.449

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 căn cứ Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 25 tháng 09 năm 2015.

Theo đó một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh và phân loại cụ thể như sau:

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước và điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
a) Bảng Cân đối kế toán			a) Bảng Cân đối kế toán			
121	Đầu tư ngắn hạn	60.000.000.000	123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	60.000.000.000	-
131	Phải thu của khách hàng	135.373.715.273	131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	135.373.715.273	-
132	Trả trước cho người bán	950.177.571	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	950.177.571	-
135	Các khoản phải thu khác	1.110.230.166	136	Phải thu ngắn hạn khác	17.654.445.958	16.544.215.792
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.577.306.021)	137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.577.306.021)	-
141	Hàng tồn kho	61.207.435.045	141	Hàng tồn kho	60.264.243.062	(943.191.983)
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(264.715.480)	149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(253.667.506)	11.047.974
158	Tài sản ngắn hạn khác	15.052.508.943	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(15.052.508.943)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	753.452.925	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	753.452.925	-
258	Đầu tư dài hạn khác	200.887.800	253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	200.887.800	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước và điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
311	Vay và nợ ngắn hạn	16.372.825.193	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16.372.825.193	-
312	Phải trả người bán	28.677.728.872	311	Phải trả người bán ngắn hạn	28.677.728.872	-
313	Người mua trả tiền trước	8.505.807.030	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.505.807.030	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27.312.875.935	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	34.579.606.217	7.266.730.282
315	Phải trả người lao động	10.028.204.569	314	Phải trả người lao động	10.028.204.569	-
316	Chi phí phải trả	10.097.513.923	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	7.339.991.028	(2.757.522.895)
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.632.156.033	319	Phải trả ngắn hạn khác	5.346.512.583	(285.643.450)
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	929.021.462	321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	272.201.146	(656.820.316)
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.560.080.842	322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.560.080.842	-
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	936.801.360	936.801.360
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	112.000.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	112.000.000.000	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	43.917.892.930	411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	112.000.000.000	-
418	Quỹ dự phòng tài chính	11.871.891.448	418	Quỹ đầu tư phát triển	55.789.784.378	11.871.891.448
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	92.460.443.844	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	88.516.461.703	(3.943.982.141)
			421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	20.656.368.160	(3.943.982.141)
			421b	LNST chưa phân phối năm nay	67.860.093.543	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**39 . SỔ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước  
và điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
11	4. Giá vốn hàng bán	343.567.250.600	11	4. Giá vốn hàng bán	347.967.404.922	4.400.154.322
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	110.093.566.796	20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	105.693.412.474	(4.400.154.322)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.472.109.610	21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.963.816.459	1.491.706.849
24	8. Chi phí bán hàng	8.816.530.427	25	8. Chi phí bán hàng	8.816.530.427	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.040.967.935	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.040.967.935	-
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	92.118.105.380	30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	89.209.657.907	(2.908.447.473)
31	11. Thu nhập khác	1.094.663.179	31	11. Thu nhập khác	1.380.306.629	285.643.450
32	12. Chi phí khác	667.349.345	32	12. Chi phí khác	675.034.433	7.685.088
40	13. Lợi nhuận khác	427.313.834	40	13. Lợi nhuận khác	705.272.196	277.958.362
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.545.419.214	50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	89.914.930.103	(2.630.489.111)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.741.343.530	51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.118.035.200	376.691.670
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	936.801.360	936.801.360
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.804.075.684	60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67.860.093.543	(3.943.982.141)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.411	70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.059	(352)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước  
và điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	68.048.652.994	33	3. Tiền thu từ đi vay	68.048.652.994	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(81.361.703.791)	34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(81.361.703.791)	-

Người lập

  
Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 13 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc





# HÃNG KIỂM TOÁN AASC

## **AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH**

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973

E: [aaschn@hn.vnn.vn](mailto:aaschn@hn.vnn.vn)

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## **AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**

T: (84) 8 3945 0505 - (84) 8 3945 0606 | F: (84) 8 3945 1106

E: [aaschcm@aasc.com.vn](mailto:aaschcm@aasc.com.vn)

A: Lầu 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 09 Nguyễn Khoái, Phường 01, Quận 04, Tp.HCM

## **AASC TẠI QUẢNG NINH**

T: (84) 33 3627 571 | F: (84) 33 3627 572

E: [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh